

QUYẾT ĐỊNH
**Về việc ban hành Chương trình khuyến công
tỉnh Long An đến năm 2020**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công;

Căn cứ Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28/12/2012 của Bộ Công Thương về quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 26/2014/TTLT-BTC-BCT ngày 18/02/2014 của liên Bộ Tài chính, Bộ Công Thương hướng dẫn trình tự lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công quốc gia và kinh phí khuyến công địa phương;

Căn cứ Quyết định số 1288/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 01/8/2014 về việc Phê duyệt Chương trình khuyến công quốc gia đến năm 2020;

Xét đề nghị của Sở Công Thương tại Tờ trình số 511/TTr-SCT ngày 31/3/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình khuyến công tỉnh Long An đến năm 2020.

Điều 2. Giao Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai thực hiện Chương trình quy định tại Điều 1 quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức, cá nhân có liên quan thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Công Thương;
- Cục CNĐP;
- TT TU, TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh (sx+kt);
- Phòng NCKT;
- Lưu: VT, SCT, Th

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thanh Nguyên

CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN CÔNG TỈNH LONG AN

ĐẾN NĂM 2020

*(Ban hành kèm Quyết định số 1162/QĐ-UBND ngày 17/4/2015
của UBND tỉnh Long An)*

I. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH

1. Mục tiêu chung

- Huy động các nguồn lực trong và ngoài nước tham gia hoặc hỗ trợ các tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp (CN - TTCN) góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng phát triển CN - TTCN tạo việc làm, tăng thu nhập, thực hiện phân công lại lao động xã hội và góp phần xây dựng nông thôn mới. Khuyến khích, hỗ trợ sản xuất sạch hơn tại các cơ sở sản xuất công nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên thiên nhiên, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu; giảm thiểu phát thải và hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm. Hỗ trợ, tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế đầu tư phát triển sản xuất CN - TTCN một cách bền vững, nâng cao năng lực cạnh tranh, thực hiện có hiệu quả lộ trình hội nhập kinh tế quốc tế.

2. Mục tiêu cụ thể

- Truyền nghề cho 120 lao động theo yêu cầu của các cơ sở ngành thủ công mỹ nghệ.

- Tổ chức 12 lớp tập huấn các chính sách về công tác khuyến công và tiết kiệm năng lượng (TKNL) với khoảng 480 lượt học viên. Tổ chức 6 đoàn khảo sát học tập kinh nghiệm.

- Xây dựng 12 mô hình trình diễn kỹ thuật; nhân rộng 3 mô hình đang sản xuất có hiệu quả cao; hỗ trợ xây dựng 3 mô hình thí điểm về áp dụng sản xuất sạch hơn (SXSH); hỗ trợ 42 cơ sở ứng dụng máy móc thiết bị hiện đại vào các khâu sản xuất.

- Số sản phẩm được công nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn (CNNT) tiêu biểu cấp huyện là 90 sản phẩm, cấp tỉnh là 30 sản phẩm, cấp khu vực là 15 sản phẩm. Tổ chức 02 Hội chợ triển lãm hàng CNNT (Hội chợ triển lãm). Tham gia 03 Hội chợ triển lãm; Hỗ trợ 20 lượt cơ sở tham gia Hội chợ triển lãm với khoảng 200 sản phẩm được trưng bày, giới thiệu.

- Hỗ trợ đánh giá nhanh cho 12 cơ sở; hỗ trợ kiểm toán năng lượng cho 12 cơ sở.

- Thu thập thông tin và xây dựng cơ sở dữ liệu CNNT; xây dựng, phát sóng 20 chuyên mục truyền hình về khuyến công; 60 chuyên đề, bài báo trên các Báo, Website.

- Hỗ trợ lập quy hoạch chi tiết cho 02 cụm công nghiệp; hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng cho 03 cụm công nghiệp. Hỗ trợ lãi suất vốn vay cho 03 cơ sở CNNT gây ô nhiễm môi trường di dời vào các khu, cụm công nghiệp; hỗ trợ nâng cấp, sửa chữa hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường cho 3 cụm công nghiệp và 7 cơ sở CNNT.

- Tổ chức 01 đoàn thăm quan, học tập kinh nghiệm về công tác khuyến công ngoài nước.

- Tham dự Hội nghị công tác khuyến công vùng hàng năm. Duy trì và mở rộng mạng lưới cộng tác viên khuyến công cấp tỉnh.

- Tổ chức hàng năm: Kế hoạch xét tặng danh hiệu nghệ nhân, thợ giỏi, người có công đưa nghề về tỉnh Long An trong ngành thủ công mỹ nghệ (TCMN); Kế hoạch khảo sát, điều tra và xét công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống.

- Tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật, nâng cao năng lực quản lý và khả năng hoạt động khuyến công cho Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp.

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1. Phạm vi

Chương trình khuyến công tỉnh Long An đến năm 2020 (sau đây gọi tắt là Chương trình) được áp dụng trên địa bàn tỉnh.

2. Đối tượng

a) Tổ chức, cá nhân trực tiếp đầu tư, sản xuất CN - TTCN trên địa bàn tỉnh, bao gồm: Doanh nghiệp nhỏ và vừa, Hợp tác xã, Tổ hợp tác, Hộ kinh doanh thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật (gọi chung là cơ sở CNNT).

b) Các cơ sở sản xuất công nghiệp áp dụng sản xuất sạch hơn.

c) Tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tham gia công tác quản lý, thực hiện các hoạt động dịch vụ khuyến công.

III. NỘI DUNG

1. Tổ chức đào tạo nghề, truyền nghề

a) Tổ chức các khóa đào tạo nghề, truyền nghề theo nhu cầu của các cơ sở công nghiệp để tạo việc làm và nâng cao tay nghề cho người lao động.

b) Đào tạo thợ giỏi, nghệ nhân tiêu thủ công nghiệp để hình thành đội ngũ giảng viên phục vụ chương trình đào tạo nghề, nâng cao tay nghề, truyền nghề ở nông thôn.

2. Hỗ trợ nâng cao năng lực quản lý, nhận thức và năng lực áp dụng SXSH trong công nghiệp thông qua các hoạt động tư vấn, tập huấn đào tạo, hội

thảo, hội nghị, diễn đàn; tham quan, khảo sát học tập kinh nghiệm trong và ngoài nước. Hỗ trợ mở rộng thị trường tiêu thụ, xuất khẩu các sản phẩm CNNT.

3. Hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ, ứng dụng máy móc tiên tiến, tiến bộ khoa học kỹ thuật

a) Tổ chức tham quan mô hình, hội nghị, hội thảo, diễn đàn, giới thiệu công nghệ, máy móc thiết bị hiện đại cho các cơ sở CNNT.

b) Hỗ trợ xây dựng các mô hình trình diễn về chế biến nông - lâm - thủy sản và chế biến thực phẩm; sản xuất hàng công nghiệp tiêu dùng; công nghiệp hóa chất phục vụ nông nghiệp, nông thôn; sản xuất vật liệu xây dựng; sản xuất sản phẩm, phụ tùng; lắp ráp và sửa chữa máy móc, thiết bị, dụng cụ cơ khí, điện, điện tử - tin học; về khai thác, chế biến khoáng sản; chế biến nguyên liệu, đặc biệt là quy mô nhỏ tại các vùng nguyên liệu phân tán để cung cấp cho các cơ sở công nghiệp chế biến, tiểu thủ công nghiệp.

c) Hỗ trợ xây dựng thí điểm nhằm nhân rộng các mô hình áp dụng SXSH trong công nghiệp cho các cơ sở sản xuất công nghiệp.

d) Hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng máy móc thiết bị, công nghệ tiên tiến vào các khâu sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, xử lý ô nhiễm môi trường.

đ) Hỗ trợ các cơ sở CNNT xây dựng hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường.

4. Xây dựng thương hiệu sản phẩm CNNT tiêu biểu, thông qua việc tổ chức bình chọn sản phẩm hàng năm. Tổ chức hội chợ, triển lãm hàng CNNT, hàng thủ công mỹ nghệ trong và ngoài nước. Hỗ trợ các cơ sở CNNT tham gia hội chợ, triển lãm trong và ngoài nước. Hỗ trợ xây dựng, đăng ký thương hiệu và đầu tư các phòng trưng bày để giới thiệu, quảng bá sản phẩm và các hoạt động xúc tiến thương mại khác.

5. Tư vấn trợ giúp các cơ sở CNNT trong việc: Lập dự án đầu tư; marketing; quản lý sản xuất - tài chính - kế toán - nhân lực; thành lập doanh nghiệp; liên doanh, liên kết trong sản xuất kinh doanh; thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói; ứng dụng công nghệ - thiết bị mới liên quan đến sản xuất CNNT. Tư vấn hướng dẫn, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân tiếp cận các chính sách ưu đãi đầu tư, chính sách đất đai, chính sách khoa học công nghệ, chính sách tài chính - tín dụng và các chính sách ưu đãi khác của Nhà nước.

6. Cung cấp thông tin tuyên truyền

a) Xây dựng và vận hành trung tâm dữ liệu điện tử về CNNT, mạng lưới cộng tác viên tư vấn khuyến công.

b) Xây dựng chương trình truyền hình, truyền thanh; phát hành các bản tin, ấn phẩm; xây dựng dữ liệu, trang thông tin điện tử; tờ rơi, tờ gấp và các hình thức thông tin đại chúng khác.

c) Tổ chức và hỗ trợ các cơ sở CNNT tham gia các cuộc thi, phát động, triển lãm nhằm quảng bá thông tin, tuyên truyền về hoạt động khuyến công.

d) Hỗ trợ các cơ sở CNNT tiếp cận và khai thác cơ sở dữ liệu về thông tin thị trường và quảng bá doanh nghiệp.

7. Hỗ trợ liên doanh, liên kết, hợp tác kinh tế, phát triển các cụm công nghiệp và di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường

a) Hỗ trợ các cơ sở công nghiệp thành lập các hiệp hội, hội ngành nghề; liên kết vệ tinh sản xuất các mặt hàng phụ trợ; mô hình liên kết cơ sở sản xuất thủ công mỹ nghệ truyền thống với các doanh nghiệp du lịch.

b) Hỗ trợ xây dựng cụm liên kết doanh nghiệp công nghiệp.

c) Hỗ trợ lập quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp, hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp và hỗ trợ thu hút đầu tư phát triển cụm công nghiệp.

d) Hỗ trợ tư vấn, lãi suất vốn vay cho các cơ sở CNNT gây ô nhiễm môi trường di dời vào các khu, cụm công nghiệp.

đ) Hỗ trợ xây dựng hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại các cụm công nghiệp.

8. Hợp tác quốc tế về khuyến công

a) Xây dựng và tham gia thực hiện hoạt động khuyến công, sản xuất sạch hơn trong các chương trình, đề án, dự án hợp tác quốc tế.

b) Trao đổi, học tập kinh nghiệm về công tác khuyến công, khuyến khích phát triển công nghiệp, quản lý cụm công nghiệp, SXSH với các tổ chức, cá nhân nước ngoài theo quy định của pháp luật.

c) Nâng cao năng lực, trình độ cho cán bộ làm công tác khuyến công theo các chương trình hợp tác quốc tế và các chương trình, đề án học tập khảo sát ở nước ngoài.

9. Nâng cao năng lực quản lý và tổ chức thực hiện hoạt động khuyến công

a) Nghiên cứu trình cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản liên quan nhằm hoàn thiện khung pháp lý, cơ chế, chính sách về hoạt động khuyến công.

b) Xây dựng kế hoạch khuyến công hàng năm. Kiểm tra, giám sát, hướng dẫn triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công.

c) Kiện toàn bộ máy, nâng cao năng lực quản lý nhà nước về hoạt động khuyến công và SXSH hơn.

d) Đầu tư cơ sở vật chất, phương tiện làm việc cho các Trung tâm Khuyến công. Xây dựng và duy trì mạng lưới cộng tác viên khuyến công.

đ) Xây dựng chương trình, giáo trình, tài liệu và tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác khuyến công.

e) Tổ chức tham quan khảo sát, học tập kinh nghiệm trong và ngoài nước; hội thảo chuyên đề, hội nghị đánh giá tổng kết về hoạt động khuyến công; xây

dựng, duy trì và phổ biến các cơ sở dữ liệu và trang thông tin điện tử về khuyến công, sản xuất sạch hơn trong công nghiệp.

g) Xây dựng và vận hành hệ thống báo cáo đánh giá thực hiện Chương trình.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Theo nguồn

Tổng kinh phí thực hiện chương trình: 156.460 triệu đồng. Trong đó:

- Ngân sách hỗ trợ: 39.115 triệu đồng, gồm:
 - + Kinh phí khuyến công quốc gia: 28.600 triệu đồng.
 - + Kinh phí khuyến công địa phương: 10.515 triệu đồng.
- Đóng góp của đơn vị thụ hưởng: 117.345 triệu đồng.

2. Theo giai đoạn

* Năm 2015:

Tổng kinh phí thực hiện: 21.240 triệu đồng. Trong đó:

- Ngân sách hỗ trợ: 5.310 triệu đồng, gồm:
 - + Kinh phí khuyến công quốc gia: 3.900 triệu đồng.
 - + Kinh phí khuyến công địa phương: 1.410 triệu đồng.
- Đóng góp của đơn vị thụ hưởng: 15.930 triệu đồng.

* Giai đoạn 2016 - 2020:

Tổng kinh phí thực hiện: 135.220 triệu đồng. Trong đó:

- Ngân sách hỗ trợ: 33.805 triệu đồng, gồm:
 - + Kinh phí khuyến công quốc gia: 24.700 triệu đồng.
 - + Kinh phí khuyến công địa phương: 9.105 triệu đồng.
- Đóng góp của đơn vị thụ hưởng: 101.415 triệu đồng.

3. Dự toán kinh phí

ĐVT: triệu đồng

TT	Nội dung chương trình	Kinh phí Chương trình khuyến công tỉnh Long An đến năm 2020				Tổng cộng
		2015		2016 - 2020		
		QG	ĐP	QG	ĐP	
I	Đào tạo nghề, truyền nghề và phát triển nghề	-	60	-	300	360
1	Truyền nghề theo yêu cầu của các cơ sở ngành thủ công mỹ nghệ	-	60	-	300	

II	Nâng cao năng lực quản lý của cơ sở công nghiệp	-	130	-	650	780
1	Tập huấn các chính sách về công tác khuyến công và TKNL	-	40	-	200	
2	Tổ chức thăm quan, học tập kinh nghiệm về khuyến công, SXSH, TKNL	-	90	-	450	
III	Hỗ trợ xây dựng mô hình TDKT, chuyển giao công nghệ và ứng dụng máy móc tiên tiến; xây dựng mô hình thí điểm về áp dụng SXSH	900	950	5.400	3.550	10.800
1	Hỗ trợ xây dựng các mô hình trình diễn kỹ thuật	500	250	2.500	1.250	
2	Hỗ trợ các cơ sở CNNT đang hoạt động có hiệu quả cần phổ biến tuyên truyền, nhân rộng.	-	-	300	-	
3	Hỗ trợ xây dựng thí điểm các mô hình áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp	-	-	600	-	
4	Hỗ trợ các cơ sở chuyển giao công nghệ, ứng dụng máy móc thiết bị hiện đại, tiên tiến vào quá trình sản xuất, vào SXSH trong công nghiệp	400	700	2.000	2.300	
IV	Phát triển sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu	-	-	3.600	1.290	4.890
1	Tổ chức bình chọn và cấp Giấy chứng nhận sản phẩm CNNT tiêu biểu cấp tỉnh	-	-	-	240	
2	Tổ chức Hội chợ triển lãm hàng công nghiệp nông thôn	-	-	3.600	600	
3	Kế hoạch tham gia Hội chợ triển lãm hàng CNNT tiêu biểu, bình chọn sản phẩm CNNT tiêu biểu cấp khu vực	-	-	-	450	
V	Hoạt động tư vấn	-	-	600	600	1.200
1	Hỗ trợ đánh giá nhanh về SXSH	-	-	600	-	
2	Hỗ trợ kiểm toán năng lượng	-	-	-	600	
VI	Cung cấp thông tin về các chính sách phát triển công nghiệp	-	-	-	385	385
1	Thu thập thông tin và xây dựng cơ sở dữ liệu CNNT	-	-	-	100	

2	Xây dựng, phát sóng các chuyên mục truyền hình về khuyến công	-	-	-	190	
3	Xây dựng các chuyên đề, bài báo trên các Báo, website	-	-	-	95	
VII	Hỗ trợ liên doanh, liên kết, hợp tác kinh tế và phát triển các cụm, điểm công nghiệp và di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường	3.000	-	15.100	-	18.100
1	Hỗ trợ lập quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp		-	1.000	-	
2	Hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp	3.000	-	6.000	-	
3	Hỗ trợ lãi suất vốn vay cho các cơ sở CNNT gây ô nhiễm môi trường di dời vào các khu, cụm công nghiệp	-	-	1.500	-	
4	Hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại các cơ sở công nghiệp nông thôn	-	-	4.500	-	
5	Hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại các cụm công nghiệp	-	-	2.100	-	
VIII	Hợp tác quốc tế về khuyến công	-	-	-	400	400
1	Thăm quan, học tập kinh nghiệm về công tác khuyến công ngoài nước	-	-	-	400	
IX	Nâng cao năng lực quản lý nhà nước trong công tác khuyến công	-	120	-	680	800
1	Tham dự Hội nghị công tác khuyến công vùng	-	20	-	100	
2	Duy trì mạng lưới Cộng tác viên khuyến công cấp tỉnh, huyện; Xây dựng và phát triển mạng lưới cộng tác viên khuyến công cấp xã	-	100	-	580	
X	Một số nội dung khác	-	150	-	1.250	1.400
1	Kế hoạch xét tặng danh hiệu nghệ nhân, thợ giỏi, người có công đưa nghề về tỉnh Long An trong ngành thủ công mỹ nghệ	-	100	-	500	

2	Kế hoạch khảo sát, điều tra và xét công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống	-	50	-	250	
3	Tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật cho Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp	-	-	-	500	
Ngân sách nhà nước		3.900	1.410	24.700	9.105	39.115
Đóng góp của đơn vị thụ hưởng		11.700	4.230	74.100	27.315	117.345
Tổng cộng		15.600	5.640	98.800	36.420	156.460

V. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Hoàn thiện cơ chế chính sách: Các sở, ngành tham mưu, đề xuất trình UBND tỉnh ban hành các chính sách có liên quan tạo hành lang pháp lý triển khai thuận lợi hoạt động khuyến công phù hợp với mục tiêu Chương trình.

2. Nâng cao năng lực hoạt động của Trung tâm Khuyến công đảm bảo triển khai có hiệu quả nhiệm vụ được giao thông qua việc trang bị cơ sở vật chất và phương tiện làm việc phù hợp; nâng cao trình độ chuyên môn cán bộ làm công tác khuyến công...

3. Về nguồn vốn

- Bảo đảm bố trí kinh phí đáp ứng đủ và kịp thời nhu cầu hoạt động khuyến công để triển khai thực hiện Chương trình một cách hiệu quả.

- Ngoài nguồn vốn của Trung ương hỗ trợ, nguồn vốn ngân sách tỉnh, huyện cấp hàng năm cần tranh thủ tối đa các nguồn vốn khác gồm: Kết hợp, lồng ghép với các chương trình mục tiêu quốc gia; nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học công nghệ, chương trình phát triển ngành nghề nông thôn và chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác.....để hỗ trợ cho các cơ sở CNNT.

4. Hỗ trợ doanh nghiệp phát triển sản xuất, thị trường tiêu thụ, cải tiến, đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp

- Hỗ trợ các doanh nghiệp tiến hành các hoạt động giới thiệu, quảng bá sản phẩm nhằm củng cố thị trường trong nước; đồng thời hỗ trợ phát triển thị trường nước ngoài.

- Hỗ trợ cho các cơ sở sản xuất CN-TTCN ứng dụng máy móc, thiết bị công nghệ phù hợp để nâng cao năng lực sản xuất và phát huy tối đa hiệu quả các nguồn lực sẵn có.

- Tăng cường khảo sát các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh để nắm bắt nhu cầu và có giải pháp hỗ trợ thích hợp.

5. Giải pháp về khoa học công nghệ và bảo vệ môi trường

Khuyến khích các cơ sở CNNT nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và đổi mới công nghệ vào sản xuất. Ưu tiên hỗ trợ các doanh nghiệp đổi mới, áp dụng công nghệ tiên tiến giải quyết vấn đề ô nhiễm môi trường.

6. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền

- Phát hành bản tin, chuyên mục về hoạt động sản xuất CN-TTCN, công tác khuyến công, SXSH, sử dụng TKNL trên báo, đài, Website... giúp các doanh nghiệp, các đơn vị có liên quan nắm bắt thông tin kịp thời nhằm phục vụ sản xuất.

- Thông qua các hội thảo, hội nghị của các hiệp hội để tuyên truyền hoạt động khuyến công, TKNL, SXSH và nắm bắt thông tin cần thiết phục vụ công tác khuyến công.

7. Thiết lập và tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan, các tổ chức đoàn thể, cá nhân nhằm đẩy mạnh hoạt động khuyến công

- Triển khai có hiệu quả các nội dung, chương trình phối hợp giữa Trung tâm Khuyến công với các tổ chức đoàn thể: Hội Nông dân; Liên minh Hợp tác xã; Trung tâm Xúc tiến đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; Chi cục Phát triển nông thôn ... thiết lập liên kết với các cơ quan, tổ chức khác như: Liên đoàn Lao động, Hội Doanh nhân trẻ, Ban Quản lý Khu kinh tế, Tỉnh Đoàn, Hội Liên hiệp Phụ nữ,....

- Phối hợp với các cơ quan, tổ chức tư vấn trong và ngoài tỉnh để triển khai có hiệu quả hoạt động khuyến công như các Viện, Trường; các chuyên gia, nhà quản lý,...

8. Về công tác thi đua khen thưởng: Trong chức năng, quyền hạn của mình, các Sở, ngành tỉnh và UBND cấp huyện thường xuyên động viên và khen thưởng kịp thời đối với các đơn vị có thành tích hoạt động tốt trong lĩnh vực sản xuất CN-TTCN nhằm khuyến khích thi đua phát triển sản xuất, góp phần thực hiện đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch của ngành, địa phương đề ra.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Công Thương

- Là cơ quan giúp UBND tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động khuyến công trên địa bàn; có trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo các phòng nghiệp vụ, đơn vị trực thuộc triển khai thực hiện nội dung chương trình đã được UBND tỉnh phê duyệt.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành tỉnh, các cấp rà soát và xây dựng hoàn thiện cơ chế, chính sách về hoạt động khuyến công trình UBND tỉnh xem xét phê duyệt.

- Căn cứ dự toán kinh phí khuyến công địa phương được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua để xây dựng kế hoạch khuyến công hàng năm; tổ chức thẩm định trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét phê duyệt.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan; UBND các huyện, thành phố, thị xã kiểm tra định kỳ, đột xuất, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện các đề án bảo đảm việc quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công đúng quy định.

- Đề xuất điều chỉnh, bổ sung nội dung và mức chi; lập kế hoạch khuyến công phù hợp nhu cầu phát triển CN- TTCN trên địa bàn tỉnh; chỉ đạo xây dựng các đề án khuyến công để sử dụng nguồn kinh phí đúng quy định.

2. Sở Tài chính

- Cân đối nguồn và bố trí kinh phí khuyến công từ ngân sách tỉnh.

- Phối hợp cùng Sở Công Thương thẩm định các đề xuất điều chỉnh, bổ sung nội dung và mức chi; thẩm định kế hoạch khuyến công địa phương trước khi trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét phê duyệt; hướng dẫn các thủ tục tài chính có liên quan, cấp kinh phí cho các đề án theo quy định.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì với Sở Tài chính cân đối bố trí kinh phí. Phối hợp với các Sở, ngành liên quan có kế hoạch lồng ghép các nguồn lực, chương trình phát triển kinh tế - xã hội với hoạt động khuyến công. Chủ trì rà soát trình UBND tỉnh bổ sung, thay đổi chính sách, tháo gỡ khó khăn tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động khuyến công.

4. Các sở, ngành tỉnh

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp Sở Công Thương hàng năm tổ chức đào tạo nghề đáp ứng nhu cầu của các doanh nghiệp, cơ sở CNNT trên địa bàn tỉnh.

- Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp Sở Công Thương trong việc xuất bản, phát hành bản tin, ấn phẩm; xây dựng cơ sở dữ liệu CNNT, trang thông tin điện tử và hỗ trợ các doanh nghiệp đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển thương mại điện tử nhằm giới thiệu, quảng bá sản phẩm trong và ngoài nước.

- Các sở, ngành tỉnh: Khoa học và Công nghệ, Tài nguyên - Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Quản lý Khu kinh tế, Xây dựng, Giao thông Vận tải, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh Long An và các sở, ngành khác có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ của mình phối hợp với Sở Công Thương thực hiện chương trình.

5. Đài Phát thanh và Truyền hình Long An, Báo Long An và các phương tiện thông tin đại chúng: Phối hợp với Sở Công Thương thực hiện các chương trình, chuyên mục, bài viết về hoạt động khuyến công và các chính sách khuyến khích phát triển công nghiệp,....

6. Các đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội: Phối hợp với Sở Công Thương tuyên truyền vận động các cá nhân, tổ chức tích cực tham gia thực hiện chương trình.

7. UBND các huyện, thành phố Tân An, thị xã Kiến Tường

- Chỉ đạo các phòng chuyên môn và UBND các xã, phường, thị trấn tuyên truyền, phổ biến, lựa chọn xây dựng các đề án khuyến công trên địa bàn đề nghị hỗ trợ; hàng năm xem xét bố trí kinh phí triển khai hoạt động khuyến công trên địa bàn.

- Huy động các nguồn lực, lồng ghép các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác với các đề án khuyến công để triển khai thực hiện tại địa phương và thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

8. Đối với các tổ chức, cá nhân thực hiện chương trình khuyến công

- Tích cực nâng cao tay nghề; ứng dụng máy móc, thiết bị hiện đại vào sản xuất; duy trì và phát triển các sản phẩm truyền thống có tính cạnh tranh cao; áp dụng và thực hiện đồng bộ các giải pháp SXSH và TKNL nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nguyên liệu, nhiên liệu nhằm giảm thiểu và hạn chế mức độ ô nhiễm môi trường.

- Tổ chức triển khai thực hiện đề án khuyến công đã được phê duyệt, sử dụng kinh phí có hiệu quả, tiết kiệm, đúng quy định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thanh Nguyên